

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
A	B	C
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	71991,0
1	Lệ phí	-
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Phí ATTP	-
	Phí ...	
3	Giá dịch vụ	71.991
	Dịch vụ GD pháp y	
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	900
	Dịch vụ từ TYT	6.000
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	65.091
	Dịch vụ trông giữ xe, căng tin, quầy thuốc	
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin	
	Thu khác	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	71.830
1	Chi sự nghiệp	71.830
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	71.830
*	Thu phí, lệ phí từ dự phòng	
*	Thu dịch vụ	71.830

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
	Thu từ Dự phòng	888
	Thu từ TYT	6.000
	Thu từ khám, chữa bệnh	64.942
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	161
1	Lệ phí	-
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	-
	Phí ATTP	-
	Phí ...	-
3	Giá dịch vụ	161
	Dịch vụ GD pháp y	
	Dịch vụ Y tế dự phòng, Dịch vụ kiểm nghiệm	12
	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	
	- Thu của người bệnh	
	- Thu từ cơ quan Bảo hiểm	
	Dịch vụ trông giữ xe, cảng tin, quầy thuốc	
	Dịch vụ xã hội hóa: Khám bệnh, chữa bệnh; tiêm vắc xin	149
	Thu khác	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	43.663
I	Nguồn ngân sách trong nước	43.663
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	43.663
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	39.040
	- Kinh phí thường xuyên (điều trị bệnh viện)	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
	- Kinh phí thường xuyên (phòng bệnh)	7.299
	- Kinh phí thường xuyên (TYT)	1.026
	- Kinh phí thực hiện chi cho con người (TYT)	27.138
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-KHHGĐ)- VC dân số xã	2.424
	- Kinh phí thường xuyên (dân số-KHHGĐ)- VC dân số huyện	1.153
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.623
	- Sửa chữa cơ sở vật chất	1.100
	- Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	2.500
	- Thuê phần mềm quản lý hồ sơ điện tử tại huyện và TYT	200
	-Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	200
	-Dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Y tế huyện Tân Yên , tỷ lệ 1/500	623
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	